

THÔNG BÁO

Kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2022);

Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐST-KDTM ngày 04/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 2021/QĐ-THADS ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 111/QĐ-THADS.KV2 ngày 26/01/2026 của Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Thông báo về kết quả thẩm định giá tài sản số 100/TB-THADS.KV2 ngày 12/02/2026 của Chấp hành viên Phòng THADS Khu vực 2, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Thông báo số 142/TB-THADS.KV2 ngày 02/3/2026 của Phòng THADS Khu vực 2, tỉnh Thái Nguyên về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản kê biên;

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá:

1.1. Về quyền sử dụng đất:

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 614, tờ bản đồ số 10, diện tích pháp lý là **107m²** có địa chỉ tại: phường Trung Thành, thành phố Phủ Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **DE 968864**, số vào sổ cấp GCN CS 03550 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 20/7/2022 mang tên bà Trần Thị Tuyết.

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 616, tờ bản đồ số 10, diện tích pháp lý là **166m²** (diện tích hiện trạng là: 181,3m²), có địa chỉ tại: phường Trung Thành, thành phố Phủ Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **DE 968863**, số vào sổ cấp GCN CS 03549 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 20/7/2022 mang tên bà Trần Thị Tuyết.

trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 20/7/2022 mang tên bà Trần Thị Tuyết.

02 thửa đất số 614, thửa đất số 616 liền thửa, giáp ranh nhau, có vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:

- Phía Đông: Tiếp giáp với thửa đất số 371, hiện đang được làm sân Pickleball của Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Hạnh Marphavet.
- Phía Tây: Tiếp giáp với đất nhà Khánh Huệ.
- Phía Nam: Tiếp giáp với đường giao thông liên phường.
- Phía Bắc: Tiếp giáp với đường đi vào thửa đất 356, tờ bản đồ số 66 của ông Quế, bà Dung.

1.2. Đối với tài sản trên đất:

- 01 phần mái vòm, kết cấu khung thép, có mái tôn, sử dụng để làm 01 phần sân Pickleball của Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Hạnh Marphavet, nền bê tông, xây dựng khoảng năm 2019.
- 01 sân Pickleball xây dựng trên 02 thửa đất 614, 616.
- 09 đèn chiếu sáng, 02 đèn bắt to và 06 đèn bắt nhỏ.

(Chi tiết theo Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản ngày 30/01/2026 của Chấp hành viên Phòng THADS Khu vực 2, tỉnh Thái Nguyên).

2. Giá khởi điểm: 3.056.000.000đ (Ba tỷ không trăm năm mươi sáu triệu đồng).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty đấu giá Hợp danh RBA.

Tổng số điểm: 89 điểm.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): không có.

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): không có.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH RBA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện

2.	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>	
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0	10,0
1.1	<i>Có trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, ...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i>	5,0	
1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu công khai, thuận tiện</i>	5,0	
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0	5,0
2.1	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	2,0	
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	3,0	
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0	4,0
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0	2,0
4	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùn giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0	46,0

1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	15,0	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0	
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0	
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0	
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0	15,0
2	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	7,0	6,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0	
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0	
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0	
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	7,0	6,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0	
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0	
3.2	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0	6,0
3.3	Từ 50 cuộc trở lên	7,0	
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm	3,0	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức Số điểm của B = $(U \times 3) / Y$		
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3) / Y$		

5	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	7,0	4,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0	
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0	
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0	
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	4,0	3,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0	
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0	
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0	2,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0	
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0	
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0	4,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0	
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0	4,0
8.3	Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0	
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0	3,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0	3,0

9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0	
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0	
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0	8,0
Tổng số điểm		100	89

Chấp hành viên Phòng THADS Khu vực 2, tỉnh Thái Nguyên thông báo đề tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn biết và thực hiện việc ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định./.

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử THADS tỉnh;
- Cổng TTĐT Cục QLTHADS-Bộ Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về ĐGTS;
- Đương sự;
- Viện KSND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện KSND khu vực 2, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Lê Thị Luyện